

Silver Creek High School

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Silver Creek High School (Trường Trung học Phổ thông Silver Creek)
Đường	3434 Silver Creek Road
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA 95121
Số điện thoại	408.347.5600
Hiệu trưởng	Kelly Daugherty
Địa chỉ Email	daughertyk@esuhsd.org
Trang web của Trường	https://silvercreekhigh.esuhsd.org
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274337903

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	vanderzeeg@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Silver Creek High School mở cửa đón học sinh vào tháng Chín năm 1969 để phục vụ lượng cư dân ngày càng tăng của khu vực Evergreen Valley ở phía đông nam San Jose. Từ đó đến nay, nhà trường đã phát triển mạnh mẽ, với hơn 2,400 học sinh đều có quyền bình đẳng được tiếp cận nền giáo dục chất lượng trong môi trường an toàn, lành mạnh, quan tâm và cũng đặt ra nhiều thách thức cho các em vượt qua. Việc phục vụ một cộng đồng đa dạng về văn hoá, học thuật, kinh tế khiến cho Silver Creek thật sự là một trường trung học phổ thông độc đáo và ưu tú.

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh, chúng tôi cung cấp nhiều khoá Bồi dưỡng Nâng cao và khóa học nâng cao để đáp ứng mong muốn của những học sinh đang tìm kiếm thử thách khó khăn hơn, đồng thời có khóa học hỗ trợ dành cho học sinh cần được trợ giúp thêm về học tập. Sự thành công rực rỡ của Chương trình 180 độ đã cho phép chúng tôi mở rộng chương trình, bao gồm một lớp dành cho học sinh lớp 9 và hai lớp dành cho học sinh lớp 10. Chúng tôi cũng mở rộng chương trình Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID) để giúp học sinh đi theo hướng tích cực. Nhà trường cũng có nhiều lớp học độc đáo mà hiếm trường trung học phổ thông nào có, như Khoa học Pháp y và Tiếng Nhật.

Với sự hỗ trợ của cộng đồng, chúng tôi đã hiện đại hoá khuôn viên trường để mang lại lợi ích cho học sinh và cộng đồng. Chúng tôi có nhà hát và tòa nhà biểu diễn nghệ thuật tân tiến, đưa trọng tâm các hoạt động của học sinh trở lại trung tâm nhà trường. Chúng tôi đã hiện đại hoá các cơ sở vật chất cho thể thao dưới nước bằng cách xây dựng một bể bơi siêu lớn, cho phép nhà trường tổ chức các trận polo nước. Trung tâm thể dục thể hình mới mang đến cho học sinh cơ hội được trải nghiệm cảm giác phòng tập cộng đồng. Nhà trường cũng nâng cấp các khu vực chung để bao gồm cả cảnh quan và chỗ ngồi được cập nhật. Chúng tôi đã cải tạo tòa nhà nghệ thuật trực quan và mười phòng học. Hiện, nhà trường đang xây dựng một tòa nhà mới có mười phòng học và không gian để tổ chức các sự kiện hợp tác. Mục tiêu là loại bỏ tất cả phòng học di động trên toàn trường.

Mục tiêu cao nhất là, với sự hỗ trợ của tất cả các bên liên quan, chúng tôi sẽ xây dựng một cộng đồng bình đẳng, nơi đón nhận tất cả các em học sinh, đồng thời nắm rõ điểm mạnh và lĩnh vực phát triển của các em, cũng như hỗ trợ các em trên những phương diện đó. Người lớn sẽ đáp ứng tích cực nhu cầu cảm xúc xã hội, sức khỏe và học tập của từng học sinh. Giá trị của Lễ lối Creek thấm nhuần vào các hoạt động hàng ngày của chúng tôi, ở cả trong và ngoài lớp học.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	577
Lớp 10	630
Lớp 11	579
Lớp 12	636
Tổng Ghi danh	2,422

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.2
Nam	49.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.4
Người gốc Châu Á	49.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	1.8
Người Phi Luật Tân	8.3
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	32.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.9
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.5
Người Da trắng	4.4
Sinh viên nói tiếng anh	14.4
Những đứa con nuôi	0.3
Vô gia cư	0.7
Nhập cư	0.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	38.6
Học sinh khuyết tật	8.5

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	93.20	93.74	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.00	1.00	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.20	0.20	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.50	0.51	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	4.50	4.53	60.90	5.39	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	99.50	100.00	1131.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	
Bổ nhiệm sai	0.20	
Các vị trí còn trống	0.00	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0.20	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	
Tùy chọn phân công nội bộ	0.50	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.50	

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	2.20	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	8.70	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Silver Creek High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

November 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Tiếng Anh 1 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 10, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 3 – Góc nhìn của tôi: Văn học Mỹ//Pearson ERWC – Khoá Đọc Viết Văn thuyết minh 2021 Bồi dưỡng Nâng cao (AP) Thành phần và Ngôn ngữ – Độc giả Norton AP Thành phần và Ngôn ngữ – Nhập môn Văn học	Có	0%
Toán	Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp I”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 2 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp II”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 3 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp III”, Big Ideas Learning, LLC 2016 Giải tích Toán học – “Giải tích sơ bộ với các giới hạn, Một cách tiếp cận bằng đồ thị 8e” Cengage Learning 2020, 2015 AP Giải tích AB – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Giải tích BC – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Số Liệu Thống Kê – Luyện tập Số liệu Thống kê, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020 Khám phá Khoa học máy tính – ECS: Khám phá Khoa học máy tính; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến	Có	0%

	AP Khoa học máy tính Căn Bản – Tài liệu trực tuyến Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp		
Khoa học	Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – Trái đất Sống – Sách điện tử CK-12 NGSS Hóa học trong Hệ thống Trái đất – Sách điện tử CK-12 NGSS Vật lý Vũ trụ – Sách điện tử CK-12 Khoa học Pháp y – Giới thiệu thực hành về khoa học pháp y, 2014 AP Sinh học – Campbell AP Sinh học qua lăng kính, ấn bản thứ nhất – Prentice Hall 2004 AP Hóa học – Hóa học – bộ môn Khoa học Trung tâm – Brown & Lemay AP Vật lý 1 – Vật lý AP – Cutnell and Johnson, Wiley 2012 AP Khoa học Môi trường – Sống trong Môi trường – Miller/Spoonman – Cengage 2015 Công nghệ sinh học: Khoa học cho Thiên niên kỷ mới, Daugherty Trái đất sống Cơ bản – Sách điện tử CK-12 Khoa học Vật lý Cơ bản – Sách điện tử CK-12 Sinh học Biển – Khoa học Biển – AMSCO 2004 Sinh lý học – Giải phẫu và Sinh lý học căn bản của Hole, McGraw Hill, 2002	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Lịch sử Thế giới – “Lịch Sử Thế Giới Hiện Đại” McDougal-Littell 2003 Lịch sử Mỹ – “Tầm nhìn nước Mỹ” Glencoe/McGraw Hill 2006 Chính quyền Hoa kỳ – “Chính phủ đang sống! Quyền lực, Chính trị và Quý vị” TCI 2014 Kinh tế học – “Kinh tế học đang sống! Quyền được chọn” TCI 2015 AP Lịch sử Thế giới – “Trái đất và Con người Phiên bản AP” Cengage Learning 2018 AP Lịch sử Mỹ – “Lịch sử Mỹ cho Khóa học AP” Bedford 2014 AP Chính phủ – “Chính phủ ở nước Mỹ” Pearson Learning 2014 AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Kinh tế học (AP)” McGraw Hill 2014 AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Địa lý Con người cho Khóa học AP” 2022 AP Tâm lý học – “Tâm lý học AP” Worth 2015 Địa lý Thế giới – “Địa lý đang sống!” TCI 2011	Có	0%
Ngoại ngữ	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Giáo dục Sức khỏe	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ	Có	0%0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Dưới sự hỗ trợ của học khu, Silver Creek High School nỗ lực hết sức để đảm bảo rằng tất cả cơ sở vật chất đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Những ưu tiên này được tái xét trong các buổi họp với nhiều nhóm phụ huynh, bao gồm nhưng không giới hạn ở Hội Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSA), Nhóm Phụ huynh Người Mỹ gốc Phi, Nhóm Phụ huynh gốc Latinh, Nhóm Phụ huynh Người Việt và Hội đồng Cơ sở Trường học. Cơ sở nhà trường làm việc chăm chỉ để đảm bảo mọi cơ sở vật chất hiện tại đều hoạt động bình thường với tần suất sử dụng hàng ngày hay mỗi khi cần. Bộ phận hành chính cùng tất cả nhân viên giám hộ cố gắng đảm bảo rằng tất cả cơ sở vật chất đều được vệ sinh và bảo dưỡng mỗi ngày hoặc khi cần. Với số tiền còn lại của Dự luật Công khó Phiếu E và phần tiền bổ sung của Dự luật Công khó Phiếu I, Silver Creek High School nóng lòng chờ đợi một vài dự án lớn để tạo thêm bước cải tiến cho nhà trường. Các cơ sở vật chất bao gồm: Bổ sung nhà vệ sinh và khán đài xung quanh Sân bóng bầu dục, một tòa nhà giáo dục thể chất hiện đại và làm cảnh quan cho các khu vực quan trọng của nhà trường.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Mười năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốt độ Tốt	Tốt độ Bình thường	Tốt độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong			X	Số lượng lớn các tấm trần cần được thay mới sau khi sửa chữa rò rỉ từ cơn bão lần trước. Các vấn đề nhỏ khác. Sẽ điều phối cùng cơ sở
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			Một vài nắp ổ cắm cần thay mới. Sẽ lập biên bản.
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Một vài vòi hoa sen bị rỉ nước ở phòng thay đồ của nam và nữ, sẽ lập biên bản. Nhà tắm tòa nhà N sẽ được hoàn thiện bởi tiền của Công khó phiếu.
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm			X	Tình trạng sử dụng dây nối để lấy điện trần lan. Một vài trường hợp để đồ trong kho quá sát trần nhà. Cơ sở sẽ khắc phục.
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			Một vài cánh cửa cần sửa chữa một chút

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	69	Không có thông tin	58	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	46	Không có thông tin	34	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	575	533	92.70	7.30	68.98
Nữ	314	292	92.99	7.01	74.66
Nam	261	241	92.34	7.66	62.08
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	290	278	95.86	4.14	83.09
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	51	51	100.00	0.00	76.47
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	179	156	87.15	12.85	40.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	16	13	81.25	18.75	69.23
Người Da trắng	26	26	100.00	0.00	88.46
Sinh viên nói tiếng anh	69	59	85.51	14.49	22.41
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	182	158	86.81	13.19	57.96
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	49	42	85.71	14.29	9.52

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	575	538	93.57	6.43	45.81
Nữ	314	293	93.31	6.69	45.39
Nam	261	245	93.87	6.13	46.31
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	290	280	96.55	3.45	66.43
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	51	51	100.00	0.00	39.22
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	179	159	88.83	11.17	14.56
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	16	14	87.50	12.50	28.57
Người Da trắng	26	25	96.15	3.85	44.00
Sinh viên nói tiếng anh	69	61	88.41	11.59	13.33
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	182	160	87.91	12.09	35.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	49	43	87.76	12.24	0.00

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	40.51	NT	37.64	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	1187	1054	88.8	11.2	40.51
Nữ	623	541	86.84	13.16	41.22
Nam	564	513	90.96	9.04	39.77
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	604	561	92.88	7.12	54.55
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	23	17	73.91	26.09	17.65
Người Phi Luật Tân	101	94	93.07	6.93	38.3
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	365	299	81.92	18.08	15.72
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	21	18	85.71	14.29	38.89
Người Da trắng	59	54	91.53	8.47	48.15
Sinh viên nói tiếng anh	121	103	85.12	14.88	5.83
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	390	327	83.85	16.15	29.97
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	90	77	85.56	14.44	1.3

Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Chúng tôi có dạy các môn chuyên ngành Kinh doanh. Ngoài ra, chúng tôi có các khóa học giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE) sau đây: Công nghệ Thông tin Máy tính, Nhập môn Kinh doanh, Thiết kế web, Kinh tế học về Quyền sở hữu Doanh nghiệp và Kinh nghiệm Làm việc. Học sinh ở nhiều lớp học của chúng tôi được lấy tín chỉ đại học của Đại học Mission, San Jose City và Evergreen Valley. Chúng tôi liên kết với Mạng lưới Giảng dạy về Khởi nghiệp (NFTE). Trong bốn năm qua, học sinh của nhà trường đã thi đấu và giành chiến thắng ở vòng chung kết quốc gia. Một học sinh của nhà trường giành giải nhì cuộc thi quốc gia và là một trong năm học sinh được gặp Tổng thống Hoa Kỳ tại Phòng Bầu dục. Chúng tôi cũng triển khai Lộ trình Học tập Liên kết, chú trọng vào việc thu hút nhiều học sinh học AP Khoa học Máy tính hoặc AP Khoa học máy tính Căn Bản và mang lại nhiều cơ hội cho học sinh được làm việc với các chuyên gia trong ngành.-----

Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	345
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	86.4
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	98.22
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	60.10

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	96%	96%	96%	96%	96%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Một trong những điểm mạnh lớn nhất của Silver Creek là sự hỗ trợ và tham gia tuyệt vời của các vị phụ huynh. Phụ huynh tại Silver Creek là thành viên được bầu của Hội đồng Cơ sở Trường học (SSC) và Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC). Các cuộc họp của cả hai cơ quan này đều mở cửa cho tất cả phụ huynh và công chúng.

Ngoài việc phục vụ ở SSC và ELAC, nhiều phụ huynh còn tham gia vào Nhóm Tô điểm Trường học, Phụ huynh gốc Latinh Hành động, Liên minh Phụ huynh Người Mỹ Gốc Phi, Nhóm Phụ huynh Người Việt và Hội Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSA). PTSA của nhà trường luôn tích cực làm việc để hỗ trợ và đáp ứng nhu cầu của các em học sinh nói riêng và của nhà trường nói chung. Nhờ việc gây được nhiều quỹ, PTSA đã có thể tài trợ một vài công nghệ và dự án để làm đẹp cho khuôn viên trường, giúp trợ cấp cho giáo viên mới, hỗ trợ cho những chuyến thăm trường trung học cơ sở, quảng bá tích cực và tôn vinh khối 12 tốt nghiệp mỗi năm bằng Học bổng PTSA.

Silver Creek khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng, đồng thời thường xuyên thông báo cho gia đình về các vấn đề ở trường học cũng như các dịch vụ và nguồn lực hỗ trợ trong cộng đồng. Thông tin về tính chuyên cần, lịch học và ngày kiểm tra thường xuyên được gửi về nhà cho cha mẹ. Thông tin về sự kiện của trường, cập nhật từ các tổ chức phụ huynh khác cũng như thông tin về trường đại học và cộng đồng được đăng tải thường xuyên trên trang mạng của Silver Creek và gửi về nhà qua School Loop. Trang mạng của trường còn cung cấp quyền truy cập vào lượng lớn thông tin về hoạt động và chương trình của nhà trường. Giáo viên có thể đăng bài tập về nhà, điểm số và thông tin chuyên cần qua School

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Loop, cho phép phụ huynh và học sinh được tiếp cận nhiều thông tin hơn. Hiệu trưởng cũng tổ chức Trò chuyện với ly cà phê qua Zoom mỗi tháng một lần. Các gia đình có cơ hội được biết về những gì đang diễn ra ở trường.

Để hỗ trợ phụ huynh, hiệu trưởng tài trợ một buổi trò chuyện với ly cà phê mỗi tháng một lần. Silver Creek tổ chức nhiều đêm chia sẻ thông tin cho phụ huynh, chẳng hạn như đêm chia sẻ thông tin Hỗ trợ Tài chính, Định hướng Phụ huynh Học sinh lớp 9, gặp gỡ và nói chuyện với đội ngũ quản lý và giảng dạy. Nhà trường có Trung tâm Phụ huynh, có Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng làm việc toàn thời gian với nhiệm vụ bênh vực tất cả phụ huynh và cung cấp bất kỳ nguồn lực hỗ trợ nào mà họ có thể cần.

Để biết thêm thông tin hoặc tham gia vào bất kỳ chương trình nào, vui lòng gọi (408) 347-5631.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học		3.4	3		14.5	13.6		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp		95	95.4		78.4	81.5		84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	625	596	95.4
Nữ	316	303	95.9
Nam	309	293	94.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	318	308	96.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	15	15	100.0
Người Phi Luật Tân	52	51	98.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	193	176	91.2
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--
Người Da trắng	33	32	97.0
Sinh viên nói tiếng anh	100	92	92.0
Những đứa con nuôi	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	346	322	93.1
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	55	47	85.5

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	2499	2472	370	15.0
Nữ	1247	1230	184	15.0
Nam	1251	1241	186	15.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	10	10	3	30.0
Người gốc Châu Á	1216	1211	81	6.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	47	47	12	25.5
Người Phi Luật Tân	205	204	14	6.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	833	813	216	26.6
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	21	21	11	52.4
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	58	57	4	7.0
Người Da trắng	109	109	29	26.6
Sinh viên nói tiếng anh	372	362	64	17.7
Những đứa con nuôi	8	7	2	28.6
Vô gia cư	30	30	15	50.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1081	1065	228	21.4
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	9	9	0	0.0
Học sinh khuyết tật	235	230	89	38.7

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	2.10	2.87	2.45
Đuổi học	0.00	0.03	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	2.32	0.03	3.41	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.32	0.00	0.08	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	2.32	0.32
Nữ	1.28	0.08
Nam	3.36	0.56
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	6.38	0.00
Người Phi Luật Tân	0.98	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	4.80	0.48
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	38.10	9.52
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	1.72	1.72
Người Da trắng	2.75	0.92
Sinh viên nói tiếng anh	2.96	0.27
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	20.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	3.24	0.56
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	8.51	1.28

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Như tất cả trường học thuộc East Side Union High School District, Silver Creek có kế hoạch an toàn toàn diện được cập nhật hàng năm, bao gồm các quy trình và thủ tục an toàn ở nhà trường, các quy định và hướng dẫn phòng trường hợp khẩn cấp. Hàng năm, Kế hoạch An toàn được đánh giá lại, chỉnh sửa, cập nhật và trình lên Hội đồng Cơ sở Trường học – cơ quan có sự tham gia của phụ huynh, học sinh, giáo viên và quản trị viên. Mục tiêu An toàn của Nhà trường cũng được trình lên chính cơ quan này xin chấp thuận, rồi trình lên Hội đồng Chương quản của nhà trường để được phê duyệt. Đánh giá mục tiêu an toàn đã được nộp cho SSC vào tháng Ba năm 2022. Kế hoạch được sử dụng trong các cuộc diễn tập sơ tán, chạy trốn, ẩn náu, phòng thủ, hỏa hoạn và động đất hàng năm. Hiệu phó (APA), Cố vấn và Giám sát Khuôn viên trường học thường xuyên để trao đổi về các vấn đề an toàn của nhà trường. Hiệu phó (APA) và nhóm đặc trách an toàn họp hai lần mỗi học kỳ. Mục tiêu chính của các cuộc họp là tái xét mục tiêu an toàn, đánh giá và tái xét bất kỳ giao thức nào cần được cập nhật.-----

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	17	73	4
Toán	30	10	26	40
Khoa học	29	7	48	21
Khoa học Xã hội	29	9	53	13

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	13	76	8
Toán	29	10	44	25
Khoa học	30	6	45	24
Khoa học Xã hội	29	10	35	32

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	16	81	
Toán	28	12	57	10
Khoa học	29	7	59	8
Khoa học Xã hội	28	15	56	14

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	403.67

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	6.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.5
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	11.0

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,304	\$2,129	\$7,175	\$103,148
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,916	\$100,753
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-9.8	2.3
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$94,126
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	8.4	9.1

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Nguồn tài trợ cho từng mục tiêu của trường Trung học Phổ thông Silver Creek (SCHS) được dùng để hỗ trợ cho những dịch vụ mà học sinh được nhận, đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt nhất. Một trong những nhu cầu lớn nhất được xác định là việc thiếu cố vấn học tập. Vì vậy, chúng tôi đã có thể trả lương cho một vị trí cố vấn học tập chung, để giảm tỷ lệ học sinh – cố vấn. Hiện, nhà trường có 6 cố vấn học tập cho 2,500 học sinh. Một vài nhóm được nhà trường xác định là cần thêm nguồn lực hỗ trợ là các Học viên Tiếng Anh, học sinh thuộc hệ thống chăm sóc bảo dưỡng và học sinh vô gia cư. Một lĩnh vực trọng tâm khác là giúp thúc đẩy toàn bộ học sinh và giáo viên tiến xa hơn trong việc triển khai Tiêu chuẩn của Tiểu bang về Cốt lõi chung. Triển khai Tiêu chuẩn của Tiểu bang về Cốt lõi chung sẽ bắt buộc sử dụng công nghệ trong lớp học. Nhà trường đang đưa nhiều công nghệ vào phòng học bằng cách mua máy đọc/máy tính bảng cho cả lớp, để cả học sinh và giáo viên đều cảm thấy thoải mái hơn với việc sử dụng công nghệ. Ngoài ra, nguồn tài trợ cho từng mục tiêu được sử dụng để cải thiện giao tiếp với tất cả các bên liên quan, bằng cách tài trợ cho nhân viên dịch thuật tất cả thông tin được gửi về nhà sang Tiếng Tây Ban Nha và Tiếng Việt.

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$61,991	\$55,947
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$97,975	\$90,080
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$125,613	\$117,121
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$146,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$158,501	\$164,633
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$292,671	\$261,984
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	31%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	33
---	----

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	4
Tiếng Anh	6
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	4
Ngoại ngữ	6
Toán	10
Khoa học	10
Khoa học Xã hội	11
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	51
Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	

Phát triển Chuyên môn

Đội ngũ nhân viên phát triển kỹ năng giảng dạy trong suốt cả năm, bằng cách tham gia vào hội thảo, hội nghị và phát triển chuyên môn dựa trên từng cơ sở nhà trường. Silver Creek High School cung cấp cho giáo viên cơ hội tương tác với đồng nghiệp trong các buổi họp của bộ phận và tham gia phát triển chuyên môn ở nhà trường vào những ngày học nửa buổi. Trọng tâm Phát triển Chuyên môn của nhà trường là xây dựng chương trình học, đánh giá kiến thức chung, nghiên cứu dữ liệu (cả hành vi và học tập), học hỏi cảm xúc xã hội, đồng thời luôn giữ tâm niệm “bình đẳng cho tất cả”. Trong nỗ lực để giúp phần đông giáo viên với những nhu cầu cụ thể của từng người, Nhóm Phát triển Chuyên môn đã xây dựng các cấu phần khác nhau với mô-đun khác nhau để giáo viên có thể đăng ký tham gia trong thời gian hợp tác. Thời gian hợp tác của năm học 2020 – 2021 là 180 phút, được tổ chức mỗi thứ Tư hàng tuần. District Office (Văn phòng Học khu) có tổ chức thời gian phát triển cho nhân viên hàng năm, mang lại cho giáo viên nhiều cơ hội phát triển chuyên môn về chương trình học, chiến lược và phương pháp giảng dạy. Huấn luyện viên giảng dạy được SCHS tài trợ để giúp giáo viên mới suy ngẫm về những phương pháp thực hành tốt nhất và tiếp tục phát triển chuyên môn. Chúng tôi cũng tổ chức phát triển chuyên môn hàng tháng sau giờ học cho những giáo viên có từ năm năm kinh nghiệm giảng dạy trở xuống.-----

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	38	34	34